

Số: 322 /QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ
lĩnh vực Tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 188/TTr-STP
ngày 08 tháng 01 năm 2026.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 05 thủ tục hành chính nội bộ
lĩnh vực Tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, gồm: 01 thủ tục
mới ban hành; 03 thủ tục thay thế và 01 thủ tục bị bãi bỏ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục hành chính nội bộ:

- Ban hành kèm theo Quyết định số 1635/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5
năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố thủ tục
hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước lĩnh vực tư pháp thuộc
phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp.

- Thứ tự 1 ban hành kèm theo Quyết định số 5918/QĐ-UBND ngày 21 tháng
12 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố thủ tục
hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng
quản lý của Sở Tư pháp.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp,
Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức,
cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp;
- TTUB: CT, PCT Nguyễn Mạnh Cường;
- VPUB: CVP, PCVP/VX;
- TT TTĐT TP;
- TT PV HCC TP;
- Lưu: VT, (KSTT/Tr).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**


Nguyễn Mạnh Cường

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ LĨNH VỰC TƯ PHÁP
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

1. Danh mục thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp

STT	Tên thủ tục hành chính
1	Tiếp nhận, thẩm định dự thảo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố

2. Danh mục thủ tục hành chính nội bộ được thay thế thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp

STT	Tên TTHC NB được thay thế	Tên TTHC NB thay thế	Tên VB quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	Tiếp nhận, thẩm định dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố	Tiếp nhận, thẩm định dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố	Quyết định số 21/2025/QĐ-UBND ngày 17/10/2025 ban hành Quy định về quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố	Tư pháp	Sở Tư pháp
2	Tiếp nhận, thẩm định dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố	Tiếp nhận, thẩm định dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố	Quyết định số 21/2025/QĐ-UBND ngày 17/10/2025 ban hành Quy định về quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố	Tư pháp	Sở Tư pháp
3	Thủ tục xây dựng, ban hành Quyết định về	Thủ tục xây dựng, ban hành Quyết định về	Quyết định số 21/2025/QĐ-UBND ngày	Tư pháp	Sở Tư pháp

STT	Tên TTHC NB được thay thế	Tên TTHC NB thay thế	Tên VB quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
	danh mục quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định chi tiết và quy định các nội dung khác được giao tại luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước	danh mục quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định chi tiết và quy định các nội dung khác được giao tại luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, Nghị định, Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ theo quy định	17/10/2025 ban hành Quy định về quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố		

3. Danh mục thủ tục hành chính nội bộ bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp

STT	Tên TTHC NB	Tên Văn bản quy định việc bãi bỏ TTHC NB
1	Tiếp nhận, thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố	Quyết định số 21/2025/QĐ-UBND ngày 17/10/2025 ban hành Quy định về quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố

PHẦN II. NỘI DUNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP

1. Tiếp nhận, thẩm định dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố

a) Trình tự thực hiện:

- Sở, ngành Thành phố hoặc các cơ quan, đơn vị, tổ chức được Ủy ban nhân dân Thành phố phân công theo lĩnh vực phụ trách (sau đây gọi tắt là cơ quan chủ trì soạn thảo) chuẩn bị hồ sơ dự thảo nghị quyết.

- Sở Tư pháp tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ dự thảo nghị quyết. Trường hợp hồ sơ không đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Quyết định số 21/2025/QĐ-UBND thì chậm nhất là 03 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Sở Tư pháp tiếp nhận hồ sơ, thực hiện thẩm định dự thảo nghị quyết và gửi Báo cáo thẩm định đến cơ quan chủ trì soạn thảo trong thời hạn 12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ gửi thẩm định.

*** Lưu ý:**

- Trường hợp phải thẩm định gấp theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Tư pháp thẩm định nội dung quy định tại các điểm a, điểm c, điểm d và điểm e khoản 6 Điều 45 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP) và Quyết định số 21/2025/QĐ-UBND.

- Trường hợp thành lập hội đồng thẩm định hoặc tổ chức cuộc họp thẩm định thì thành viên hội đồng thẩm định hoặc người tham gia cuộc họp thẩm định có trách nhiệm theo quy định tại khoản 4 Điều 45 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP) và Quyết định số 21/2025/QĐ-UBND.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp qua đường Văn thư và trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành của Ủy ban nhân dân Thành phố.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

Hồ sơ dự thảo nghị quyết gửi Sở Tư pháp thẩm định (1 bộ)

- Dự thảo Tờ trình;

- Dự thảo nghị quyết;

- Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo văn bản đối với trường hợp ban hành văn bản quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều 21 của Luật năm 2025 (được sửa đổi, bổ sung

bởi khoản 3 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung năm 2025) kèm phụ lục rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;

- Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo;

- Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (nếu có);

- Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo trong trường hợp soạn thảo nghị quyết quy định tại điểm d khoản 1 Điều 21 của Luật năm 2025 (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung năm 2025);

- Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý.

* Lưu ý: Cơ quan chủ trì soạn thảo gửi văn bản đề nghị thẩm định kèm hồ sơ thẩm định, trong đó, các báo cáo được ký và đóng dấu, dự thảo văn bản được đóng dấu giáp lai, các tài liệu khác được đóng dấu treo của cơ quan chủ trì soạn thảo. Hồ sơ được gửi bằng bản điện tử và 01 bản giấy.

d) Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ gửi thẩm định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính nội bộ:

Các Sở, ngành Thành phố, cơ quan quân sự cấp Thành phố, Công an Thành phố, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính nội bộ:

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Tư pháp

- Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính: Các Sở, ngành, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu; các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc thẩm định văn bản.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính nội bộ:

Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp (quy định trực tiếp) (Mẫu số 17 Phụ lục III Nghị định số 187/2025/NĐ-CP);

- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp (ban hành Quy định/Quy chế) và Quy định/Quy chế ban hành kèm theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp (Mẫu số 18 Phụ lục III Nghị định số 187/2025/NĐ-CP);

- Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của một văn bản (văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ

trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) (Mẫu số 23 Phụ lục III Nghị định số 187/2025/NĐ-CP);

- Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của nhiều văn bản (văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) (Mẫu số 24 Phụ lục III Nghị định số 187/2025/NĐ-CP);

- Văn bản quy phạm pháp luật bãi bỏ văn bản/các văn bản (văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) (Mẫu số 25 Phụ lục III Nghị định số 187/2025/NĐ-CP);

- Phụ lục ban hành kèm theo văn bản quy phạm pháp luật (Mẫu số 26 Phụ lục III Nghị định số 187/2025/NĐ-CP);

- Tờ trình dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (Mẫu số 02 Phụ lục IV Nghị định số 187/2025/NĐ-CP);

- Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật (Mẫu số 08 Phụ lục IV Nghị định số 187/2025/NĐ-CP);

- Báo cáo đánh giá thực trạng quan hệ xã hội (Mẫu số 09 Phụ lục IV Nghị định số 187/2025/NĐ-CP);

- Bản so sánh, thuyết minh dự thảo văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới với văn bản quy phạm pháp luật hiện hành (Mẫu số 12 Phụ lục IV Nghị định số 187/2025/NĐ-CP);

- Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự án, dự thảo (Mẫu số 06 Phụ lục IV Nghị định số 187/2025/NĐ-CP);

- Báo cáo đánh giá tác động của chính sách (Mẫu số 03 Phụ lục IV Nghị định số 187/2025/NĐ-CP);

- Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, tham vấn chính sách/Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội đối với dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (Mẫu số 10 Phụ lục IV Nghị định số 187/2025/NĐ-CP).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính nội bộ:

Cơ quan chủ trì soạn thảo phải thực hiện đầy đủ các bước và chuẩn bị hồ sơ theo đúng quy định; Sở Tư pháp và Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện theo đúng quy định về thẩm định dự thảo văn bản.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính nội bộ:

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;
- Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
- Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn, thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;
- Quyết định số 21/2025/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Tiếp nhận, thẩm định dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố

a) Trình tự thực hiện

- Các Sở, ngành Thành phố, cơ quan quân sự cấp Thành phố, Công an Thành phố, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phân công theo lĩnh vực (sau đây gọi tắt là cơ quan chủ trì soạn thảo) chuẩn bị hồ sơ dự thảo quyết định và gửi đến Sở Tư pháp thẩm định.
- Sở Tư pháp tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ dự thảo quyết định. Trường hợp hồ sơ không đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Quyết định số 21/2025/QĐ-UBND thì chậm nhất là 03 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.
- Sở Tư pháp tiếp nhận hồ sơ, thực hiện thẩm định dự thảo quyết định và gửi Báo cáo thẩm định đến cơ quan chủ trì soạn thảo trong thời hạn 12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ gửi thẩm định.

*** Lưu ý:**

- Trường hợp phải thẩm định gấp theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Tư pháp thẩm định nội dung quy định tại các điểm a, c, d và e khoản 6 Điều 45 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP) và Quyết định số 21/2025/QĐ-UBND.
- Trường hợp thành lập hội đồng thẩm định hoặc tổ chức cuộc họp thẩm định thì thành viên hội đồng thẩm định hoặc người tham gia cuộc họp thẩm định có trách nhiệm theo quy định tại khoản 4 Điều 45 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP) và Quyết định số 21/2025/QĐ-UBND.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp qua đường Văn thư và trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành của Ủy ban nhân dân Thành phố.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

Hồ sơ dự thảo quyết định gửi Sở Tư pháp thẩm định (1 bộ)

- Dự thảo Tờ trình;

- Dự thảo quyết định;

- Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo văn bản đối với trường hợp ban hành văn bản quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều 21 của Luật năm 2025 (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung năm 2025) kèm phụ lục rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;

- Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo;

- Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (nếu có);

- Bản tổng hợp ý kiến tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý.

* Lưu ý: Cơ quan chủ trì soạn thảo gửi văn bản đề nghị thẩm định kèm hồ sơ thẩm định, trong đó các báo cáo được ký và đóng dấu, dự thảo văn bản được đóng dấu giáp lai, các tài liệu khác được đóng dấu treo của cơ quan chủ trì soạn thảo. Hồ sơ được gửi bằng bản điện tử và 01 bản giấy.

d) Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ gửi thẩm định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính nội bộ:

Các Sở, ngành Thành phố, cơ quan quân sự cấp Thành phố, Công an Thành phố, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính nội bộ:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tư pháp

- Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính: Các Sở, ngành, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu; các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc thẩm định văn bản.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính nội bộ:

Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Quyết định của Ủy ban nhân dân các cấp (quy định trực tiếp) (Mẫu số 19 Phụ lục III Nghị định số 187/2025/NĐ-CP);

- Quyết định của Ủy ban nhân dân các cấp (ban hành Quy định/Quy chế) và Quy định/Quy chế ban hành kèm theo Quyết định của Ủy ban nhân dân các cấp (Mẫu số 20 Phụ lục III Nghị định số 187/2025/NĐ-CP);

- Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của một văn bản (văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) (Mẫu số 23 Phụ lục III Nghị định số 187/2025/NĐ-CP);

- Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của nhiều văn bản (văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) (Mẫu số 24 Phụ lục III Nghị định số 187/2025/NĐ-CP);

- Văn bản quy phạm pháp luật bãi bỏ văn bản/các văn bản (văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) (Mẫu số 25 Phụ lục III Nghị định số 187/2025/NĐ-CP);

- Phụ lục ban hành kèm theo văn bản quy phạm pháp luật (Mẫu số 26 Phụ lục III Nghị định số 187/2025/NĐ-CP);

- Tờ trình dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (Mẫu số 02 Phụ lục IV Nghị định số 187/2025/NĐ-CP);

- Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật (Mẫu số 08 Phụ lục IV Nghị định số 187/2025/NĐ-CP);

- Báo cáo đánh giá thực trạng quan hệ xã hội (Mẫu số 09 Phụ lục IV Nghị định số 187/2025/NĐ-CP);

- Bản so sánh, thuyết minh dự thảo văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới với văn bản quy phạm pháp luật hiện hành (Mẫu số 12 Phụ lục IV Nghị định số 187/2025/NĐ-CP);

- Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự án, dự thảo (Mẫu số 06 Phụ lục IV Nghị định số 187/2025/NĐ-CP);

- Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, tham vấn chính sách/Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội đối với dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (Mẫu số 10 Phụ lục IV Nghị định số 187/2025/NĐ-CP).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính nội bộ:

Cơ quan chủ trì soạn thảo phải thực hiện đầy đủ các bước và chuẩn bị hồ sơ theo đúng quy định; Sở Tư pháp và Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện theo đúng quy định về thẩm định dự thảo văn bản.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính nội bộ:

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;
- Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
- Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn, thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;
- Quyết định số 21/2025/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Tiếp nhận, thẩm định dự thảo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố

a) Trình tự thực hiện

- Các Sở, ngành Thành phố, cơ quan quân sự cấp Thành phố, Công an Thành phố, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phân công theo lĩnh vực (sau đây gọi tắt là cơ quan chủ trì soạn thảo) chuẩn bị hồ sơ dự thảo quyết định và gửi đến Sở Tư pháp thẩm định.
- Sở Tư pháp tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ dự thảo quyết định. Trường hợp hồ sơ không đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Quyết định số 21/2025/QĐ-UBND thì chậm nhất là 03 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.
- Sở Tư pháp tiếp nhận hồ sơ, thực hiện thẩm định dự thảo quyết định và gửi Báo cáo thẩm định đến cơ quan chủ trì soạn thảo trong thời hạn 12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ gửi thẩm định.

*** Lưu ý:**

- Trường hợp phải thẩm định gấp theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Tư pháp thẩm định nội dung quy định tại các điểm a, c, d và e

khoản 6 Điều 51b của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP).

- Trường hợp thành lập hội đồng thẩm định hoặc tổ chức cuộc họp thẩm định thì thành viên hội đồng thẩm định hoặc người tham gia cuộc họp thẩm định có trách nhiệm theo quy định tại khoản 4 Điều 51b của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP).

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp qua đường Văn thư và trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành của Ủy ban nhân dân Thành phố.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

Hồ sơ dự thảo quyết định gửi Sở Tư pháp thẩm định (1 bộ)

- Dự thảo Tờ trình;

- Dự thảo quyết định;

- Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (nếu có);

- Bản tổng hợp ý kiến tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý.

* Lưu ý: Cơ quan chủ trì soạn thảo gửi văn bản đề nghị thẩm định kèm hồ sơ thẩm định, trong đó các báo cáo được ký và đóng dấu, dự thảo văn bản được đóng dấu giáp lai, các tài liệu khác được đóng dấu treo của cơ quan chủ trì soạn thảo. Hồ sơ được gửi bằng bản điện tử và 01 bản giấy.

d) Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ gửi thẩm định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính nội bộ:

Các Sở, ngành Thành phố, cơ quan quân sự cấp Thành phố, Công an Thành phố, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính nội bộ:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tư pháp

- Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính: Các Sở, ngành, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu; các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc thẩm định văn bản.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính nội bộ:

Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (quy định trực tiếp) (Mẫu số 21 Phụ lục III Nghị định số 187/2025/NĐ-CP);

- Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (ban hành Quy định/Quy chế) và Quy định/Quy chế ban hành kèm theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mẫu số 22 Phụ lục III Nghị định số 187/2025/NĐ-CP);

- Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của một văn bản (văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) (Mẫu số 23 Phụ lục III Nghị định số 187/2025/NĐ-CP);

- Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của nhiều văn bản (văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) (Mẫu số 24 Phụ lục III Nghị định số 187/2025/NĐ-CP);

- Văn bản quy phạm pháp luật bãi bỏ văn bản/các văn bản (văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) (Mẫu số 25 Phụ lục III Nghị định số 187/2025/NĐ-CP);

- Phụ lục ban hành kèm theo văn bản quy phạm pháp luật (Mẫu số 26 Phụ lục III Nghị định số 187/2025/NĐ-CP);

- Tờ trình dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (Mẫu số 02 Phụ lục IV Nghị định số 187/2025/NĐ-CP);

- Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự án, dự thảo (Mẫu số 06 Phụ lục IV Nghị định số 187/2025/NĐ-CP).

- Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, tham vấn chính sách/Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội đối với dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (Mẫu số 10 Phụ lục IV Nghị định số 187/2025/NĐ-CP)

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính nội bộ:

Cơ quan chủ trì soạn thảo phải thực hiện đầy đủ các bước và chuẩn bị hồ sơ theo đúng quy định; Sở Tư pháp và Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện theo đúng quy định về thẩm định dự thảo văn bản.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính nội bộ:

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

- Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

- Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn, thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

- Quyết định số 21/2025/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Thủ tục xây dựng, ban hành Quyết định về danh mục quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định chi tiết và quy định các nội dung khác được giao tại luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, Nghị định, Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ theo quy định

a) Trình tự thực hiện:

- Trên cơ sở Công văn của Bộ Tư pháp, quy định của Nghị định, Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ Sở Tư pháp xây dựng và ban hành Công văn yêu cầu các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố rà soát, lập danh mục văn bản giao quy định chi tiết. Các Sở, ngành Thành phố, cơ quan quân sự cấp Thành phố, Công an Thành phố, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố gửi danh mục văn bản giao quy định chi tiết đến Sở Tư pháp để tổng hợp.

- Sở Tư pháp rà soát, xây dựng dự thảo Quyết định về danh mục quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước Nghị định, Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ (sau đây gọi là Quyết định về danh mục văn bản quy định chi tiết).

- Sở Tư pháp phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ký ban hành Quyết định.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp qua đường Văn thư và trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành của Ủy ban nhân dân Thành phố.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

Hồ sơ Sở Tư pháp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố (1 bộ)

- Tờ trình của Sở Tư pháp;
- Dự thảo Quyết định về danh mục văn bản quy định chi tiết;
- Tài liệu khác (nếu có).

d) Thời hạn giải quyết: Không**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính nội bộ:**

Sở Tư pháp, các Sở, ngành Thành phố, cơ quan quân sự cấp Thành phố, Công an Thành phố, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính nội bộ:

- Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính nội bộ: Sở Tư pháp
- Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính: Các Sở, ngành Thành phố, cơ quan quân sự cấp Thành phố, Công an Thành phố, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính nội bộ:

Quyết định về danh mục quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, Nghị định, Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính nội bộ:**

Bộ Tư pháp gửi văn bản thông báo cho Ủy ban nhân dân Thành phố về danh mục các nội dung các nội dung luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước giao cho địa phương quy định chi tiết; các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố gửi danh mục văn bản giao quy định chi tiết đến Sở Tư pháp để tổng hợp; Sở Tư pháp và Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện theo đúng quy định về lập danh mục và trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quyết định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính nội bộ:

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

- Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

- Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn, thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

- Quyết định số 21/2025/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.